



Biểu số 05

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 30/6 /2026 của UBND xã)

Đơn vị: đồng

STT	Chương	Loại	Khoản	Diễn giải	Dự toán đầu năm 2026	Dự toán điều chỉnh năm 2026	So sánh %
A	B	C	D	E	1	2	3=2/1
	800			Tổng hợp ngân sách xã	176.763.000.000	225.758.362.027	128
I	800			Chi đầu tư phát triển	70.295.000.000	70.295.000.000	100
1	800	280		Các hoạt động kinh tế	-		
	800	280	314	Khoa học công nghệ			
2				Chi Xây dựng cơ bản	70.295.000.000	70.295.000.000	100
II	800			Chi thường xuyên	102.663.000.000	109.882.002.190	107,0
1	810	010		Quốc phòng	5.917.000.000	8.053.994.295	136,1
	810	010	011	Quốc phòng (Ban CHQS xã)	5.917.000.000	8.053.994.295	136,1
2	800	040		An ninh và trật tự an toàn xã hội	2.586.000.000	2.159.078.000	83,5
	830	040	041	An ninh và trật tự an toàn xã hội (VP. HÒND và UBND)	2.586.000.000	2.159.078.000	83,5
3	800	070		Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	42.853.000.000	46.355.628.000	108,2
	822	070	071	Giáo dục mầm non	13.874.000.000	16.279.582.000	117,3
				Trường MN Tân Lợi	4.651.000.000	5.996.396.000	128,9
				Trường MN Tân Hưng	4.413.000.000	4.912.236.000	111,3
				Trường MN Tân Hòa	4.810.000.000	5.370.950.000	111,7
	822	070	072	Giáo dục tiểu học	26.169.000.000	30.076.046.000	114,9
				Trường TH-THCS Tân Lợi	9.924.000.000	11.458.159.000	115,5
				Trường TH-THCS Tân Hưng	7.865.000.000	9.082.087.000	115,5
				Trường TH-THCS Tân Hòa	8.380.000.000	9.535.800.000	113,8
	800	070		Biên chế chưa tuyển, chế độ chính sách và đặc thù giáo dục	2.810.000.000		-
4	800	100		Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		1.840.000.000	
	832	100	121	Chuyển đổi số (Phòng VHXXH)		1.840.000.000	
5	800	250		Bảo vệ môi trường	228.000.000	228.000.000	100
	800	250	261	Thu gom, xử lý rác (Trung tâm DVTH)	228.000.000	228.000.000	100
6	800	280		Các hoạt động kinh tế	1.840.000.000	-	-
		281	314	Khoa học công nghệ	1.840.000.000		-
7	800	340		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	26.662.000.000	40.351.367.780	151
	800	340	341	Quản lý nhà nước	16.294.000.000	26.513.745.780	163
	831			Phòng Kinh tế	2.676.000.000	5.375.544.400	201
	832			Phòng Văn hoá - Xã hội	2.427.000.000	4.302.146.080	177
	833			Trung tâm phục vụ hành chính công	1.555.000.000	1.903.316.394	122
	830			Văn phòng HĐND và UBND xã	8.239.000.000	10.761.228.906	131
	821			Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	1.397.000.000	3.791.250.000	271
	823			Trạm Y tế xã		380.260.000	
	800	340	351	Hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam	6.743.000.000	9.774.796.000	145
	819			Văn phòng Đảng ủy	6.743.000.000	9.774.796.000	145
	820	340	361	UBMTTQ Việt Nam xã (Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội)	2.569.000.000	4.062.826.000	158
	800	340		Biên chế chưa tuyển	1.056.000.000		-
8	800	370		Bảo đảm xã hội	3.660.000.000	3.897.974.400	107

STT	Chương	Loại	Khoản	Diễn giải	Dự toán đầu năm 2026	Dự toán điều chỉnh năm 2026	So sánh %
	832	370	398	Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác (Phòng VHXXH)	3.660.000.000	3.897.974.400	107
9	800			Các khoản chi khác	18.917.000.000	6.995.959.715	37
				UBND xã thực hiện phân bổ chi tiết khi có nhiệm vụ phát sinh như: Sửa chữa nhỏ, duy tu, dặm vá đường giao thông, công trình xây dựng... và các nhiệm vụ cấp bách ngoài dự toán đã giao của các đơn vị	10.036.000.000	6.995.959.715	70
				Bổ sung cho các đơn vị	8.881.000.000		
III	800	430		Chuyển giao, chuyển nguồn		30.314.751.551	
	800		432	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	-	20.980.422.622	
	819			Văn phòng Đảng ủy		1.020.900.000	
	820			Ủy ban MTTQ VN xã		135.410.000	
	830			Văn phòng UBND & HĐND xã		982.350.000	
	831			Phòng Kinh tế		10.504.319.139	
	832			Phòng Văn hóa - Xã hội		4.095.443.483	
	821			Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp		89.000.000	
	823	130		Trạm Y tế xã		4.148.000.000	
	800			Bổ sung chênh lệch biên chế chưa tuyển		5.000.000	
			436	Nguồn cải cách tiền lương		9.334.328.929	
	832			Phòng Văn hóa - Xã hội		82.134.000	
				Nguồn cải cách tiền lương chưa phân bổ		9.252.194.929	
IV	800			Kết dư ngân sách và nguồn kết dư ngân sách sử dụng để trả nợ gốc, lãi các khoản vay của NSNN theo quy định		11.155.608.286	
	800			Kết dư ngân sách		11.155.608.286	
V	800			Dự phòng	3.805.000.000	4.111.000.000	

Tổng dự toán chi ngân sách xã điều chỉnh (bằng số): 225.758.362.027 đồng.

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Hai trăm hai mươi lăm tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng./.

STT	Chương	Loại	Khoản	Diễn giải	Dự toán đầu năm 2026	Dự toán điều chỉnh năm 2026	So sánh %
-----	--------	------	-------	-----------	-------------------------	--------------------------------	--------------